



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Lập trình CNC - MH1102141

Mã lớp học phần: MH110214101

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh

Ngày thi: 30/03/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: P.CNC

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Phan Thanh Tú Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: M. T. N. Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910040017	Lê Thiện Ân	16/04/2001	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm năm	C21CK	
2	1910040024	Trương Chí Cảnh	08/05/2001	<u>[Signature]</u>		8.0	Tám	C21CK	
3	1910040003	Lê Xuân Diễm	30/10/2001	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm	C21CK	
4	1910040007	Trương Nhật Duy	14/01/2000	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm	C21CK	
5	1910040031	Võ Hoàng Thành Đạt	29/4/2001	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm năm	C21CK	
6	1910040006	Đoàn Thanh Hòa	08/12/2001	<u>[Signature]</u>		7.5	Bảy năm	C21CK	
7	1910040025	Huỳnh Đức Khải	25/07/2001	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm	C21CK	
8	1910040002	Trần Đức Khôi	03/04/2001	<u>[Signature]</u>		8.0	Tám	C21CK	
9	1910040001	Nguyễn Thành Lâm	05/02/2001	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm năm	C21CK	
10	1910040019	Võ Hoàng Mai	10/05/2001	<u>[Signature]</u>		8.5	Tám năm	C21CK	
11	1910040022	Danh Lâm Bảo Ngọc	01/01/2001	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm năm	C21CK	
12	1910040005	Nguyễn Quốc Qui	21/12/2001	<u>[Signature]</u>		8.0	Tám	C21CK	
13	1910040020	Bùi Thanh Tâm	18/06/2001	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu	C21CK	
14	1910040030	Trương Tuấn Thành	24/07/2001	<u>[Signature]</u>		7.5	Bảy năm	C21CK	
15	1910040011	Nguyễn Văn Thắng	23/04/2001	<u>[Signature]</u>		7.5	Bảy năm	C21CK	
16	1910040027	Nguyễn Nguyên Thi	03/12/2001	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy	C21CK	
17	1910040028	Bùi Trung Tính	29/10/2001	<u>[Signature]</u>		2.0	Hai	C21CK	
18	1910040012	Đặng Ngọc Anh Trung	26/07/2001	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm	C21CK	
19	1910040016	Trần Quốc Trung	29/09/2001	<u>[Signature]</u>		8.5	Tám năm	C21CK	
20	1910040021	Nguyễn Minh Trường	24/05/2001	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm năm	C21CK	
21	1910040010	Trương Thanh Tuấn	05/12/2001	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm năm	C21CK	
22	1910030007	Phan Hữu Vinh	17/08/2001	<u>[Signature]</u>		4.0	Bốn	C21CK	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 22 / 22 .

Số sinh viên đạt: 20 Tỷ lệ đạt: 90,91%

Ngày: 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 15 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Cao Thế Oanh

Môn học : Lập trình CNC - MH1102141

Mã lớp học phần: MH110214101

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910040017	Lê Thiện Ân	16/04/2001	<u>An</u>	7.0	Bảy	C21CK	
2	1910040024	Trương Chí Cảnh	08/05/2001	<u>Can</u>	8.0	Tám	C21CK	
3	1910040003	Lê Xuân Diễm	30/10/2001	<u>Dian</u>	8.0	Tám	C21CK	
4	1910040007	Trương Nhật Duy	14/01/2000	<u>Duy</u>	6.0	Sáu	C21CK	
5	1910040031	Võ Hoàng Thành Đạt	29/4/2001	<u>Dat</u>	7.0	Bảy	C21CK	
6	1910040006	Đoàn Thanh Hòa	08/12/2001	<u>Hoa</u>	6.0	Sáu	C21CK	
7	1910040025	Huỳnh Đức Khải	25/07/2001	<u>Kh</u>	5.0	Năm	C21CK	
8	1910040002	Trần Đức Khôi	03/04/2001	<u>Khoi</u>	6.0	Sáu	C21CK	
9	1910040001	Nguyễn Thành Lâm	05/02/2001	<u>Lam</u>	6.5	Sáu rưỡi	C21CK	
10	1910040019	Võ Hoàng Mai	10/05/2001	<u>mai</u>	8.0	Tám	C21CK	
11	1910040022	Danh Lâm Bảo Ngọc	01/01/2001	<u>Ngoc</u>	6.0	Sáu	C21CK	
12	1910040005	Nguyễn Quốc Qui	21/12/2001	<u>Qui</u>	9.0	Chín	C21CK	
13	1910040020	Bùi Thanh Tâm	18/06/2001	<u>Tam</u>	6.0	Sáu	C21CK	
14	1910040030	Trương Tuấn Thành	24/07/2001	<u>Thanh</u>	6.0	Sáu	C21CK	
15	1910040011	Nguyễn Văn Thắng	23/04/2001	<u>Thang</u>	7.5	Bảy rưỡi	C21CK	
16	1910040027	Nguyễn Nguyên Thi	03/12/2001	<u>Thi</u>	7.0	Bảy	C21CK	
17	1910040028	Bùi Trung Tính	29/10/2001	<u>Tinh</u>	5.0	Năm	C21CK	
18	1910040014	Lý Đình Trọng	04/01/2001	<u>Trong</u>			C21CK	Cấm Thi
19	1910040012	Đặng Ngọc Anh Trung	26/07/2001	<u>Trung</u>	5.0	Năm	C21CK	
20	1910040016	Trần Quốc Trung	29/09/2001	<u>Trung</u>	7.5	Bảy rưỡi	C21CK	
21	1910040021	Nguyễn Minh Trường	24/05/2001	<u>Truong</u>	6.0	Sáu	C21CK	
22	1910040010	Trương Thanh Tuấn	05/12/2001	<u>Tuan</u>	7.5	Bảy rưỡi	C21CK	
23	1910030007	Phan Hữu Vinh	17/08/2001	<u>Vinh</u>	5.0	Năm	C21CK	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23-1 vắng thi: 1 . Số bài thi: 22 / 22 .Số sinh viên đạt/không đạt: 22 / 1Tỷ lệ đạt: 95,45 %Ngày: 8 tháng 7 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 8 tháng 7 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thế Oanh

BANG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Lập trình CNC - MH1102141

Mã lớp học phần: MH110214101

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: S/O

Giám thị 2: Phan Thanh Tây Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910040017	Lê Thiện Ân	16/04/2001	<u>An</u>	8.0	Tám	C21CK	
2	1910040024	Trương Chí Cảnh	08/05/2001	<u>Canh</u>	9.0	Chín	C21CK	
3	1910040003	Lê Xuân Diễm	30/10/2001	<u>Duân</u>	8.0	Tám	C21CK	
4	1910040007	Trương Nhật Duy	14/01/2000	<u>Duy</u>	7.0	Bảy	C21CK	
5	1910040031	Võ Hoàng Thành Đạt	29/4/2001	<u>Dat</u>	7.0	Bảy	C21CK	
6	1910040006	Đoàn Thanh Hòa	08/12/2001	<u>Hoa</u>	6.0	Sáu	C21CK	
7	1910040025	Huỳnh Đức Khải	25/07/2001	<u>Kh</u>	5.0	Năm	C21CK	
8	1910040002	Trần Đức Khôi	03/04/2001	<u>Khon</u>	8.0	Tám	C21CK	
9	1910040001	Nguyễn Thành Lâm	05/02/2001	<u>Lam</u>	8.0	Tám	C21CK	
10	1910040019	Võ Hoàng Mai	10/05/2001	<u>mai</u>	8.0	Tám	C21CK	
11	1910040022	Danh Lâm Bảo Ngọc	01/01/2001	<u>Ngoc</u>	6.0	Sáu	C21CK	
12	1910040005	Nguyễn Quốc Qui	21/12/2001	<u>Qui</u>	9.0	Chín	C21CK	
13	1910040020	Bùi Thanh Tâm	18/06/2001	<u>Tam</u>	6.0	Sáu	C21CK	
14	1910040030	Trương Tuấn Thành	24/07/2001	<u>Thanh</u>	7.0	Bảy	C21CK	
15	1910040011	Nguyễn Văn Thắng	23/04/2001	<u>Thang</u>	7.0	Bảy	C21CK	
16	1910040027	Nguyễn Nguyên Thi	03/12/2001	<u>Thi</u>	8.0	Tám	C21CK	
17	1910040028	Bùi Trung Tính	29/10/2001	<u>Tinh</u>	5.0	Năm	C21CK	
18	1910040014	Lý Đình Trọng	04/01/2001	<u>Trong</u>	-	-	C21CK	
19	1910040012	Đặng Ngọc Anh Trung	26/07/2001	<u>Trung</u>	5.0	Năm	C21CK	
20	1910040016	Trần Quốc Trung	29/09/2001	<u>Trung</u>	7.0	Bảy	C21CK	
21	1910040021	Nguyễn Minh Trường	24/05/2001	<u>Truong</u>	6.0	Sáu	C21CK	
22	1910040010	Trương Thanh Tuấn	05/12/2001	<u>Tuan</u>	7.0	Bảy	C21CK	
23	1910030007	Phan Hữu Vinh	17/08/2001	<u>Vinh</u>	5.0	Năm	C21CK	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23-1 vắng thi: 1 . Số bài thi: 22 / 22 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 22 / 1 .

Tỷ lệ đạt: 95 , 65 %

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thế Oanh